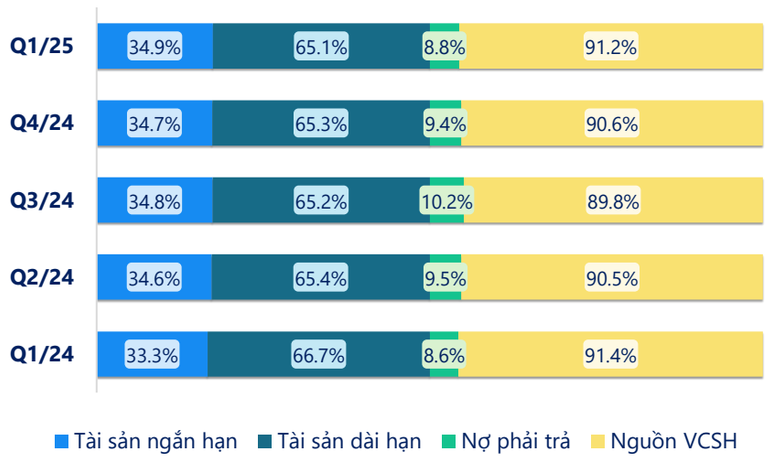
FireAnt

CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	545
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
P/E	-6.5
EPS	-690

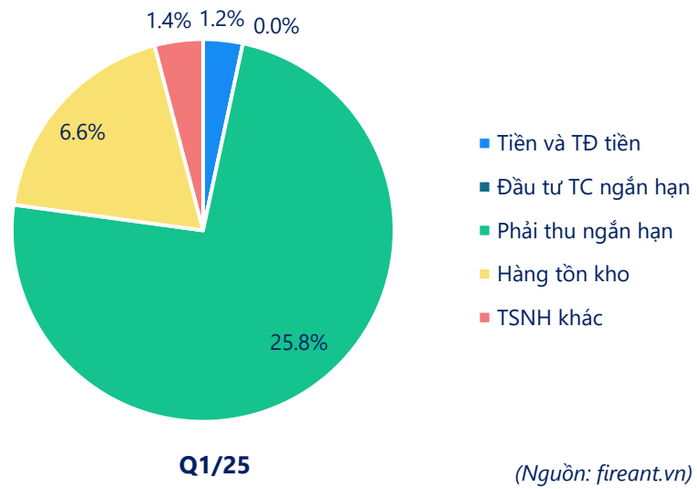
	YTD	1T	3T	6T
MGR	32.4%	-11.8%	25.0%	12.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



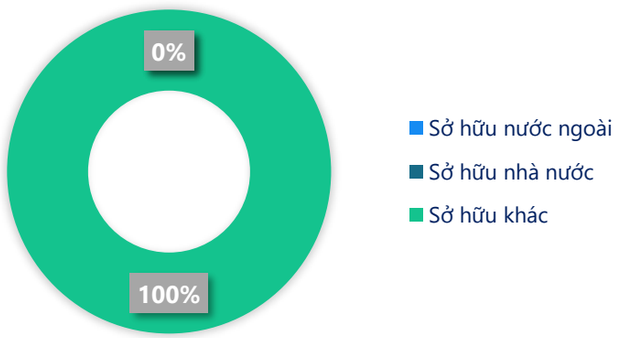
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



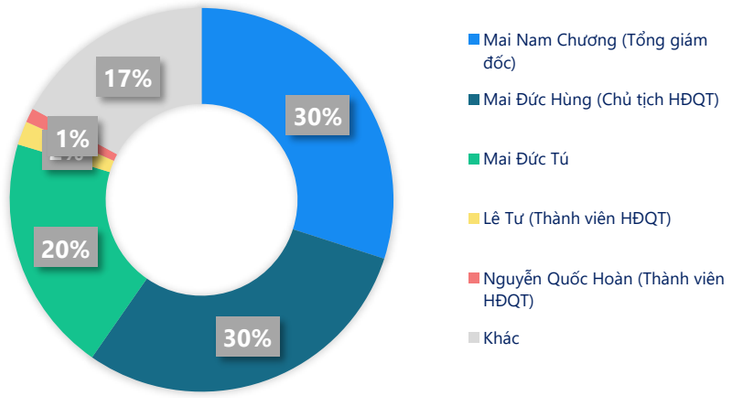
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



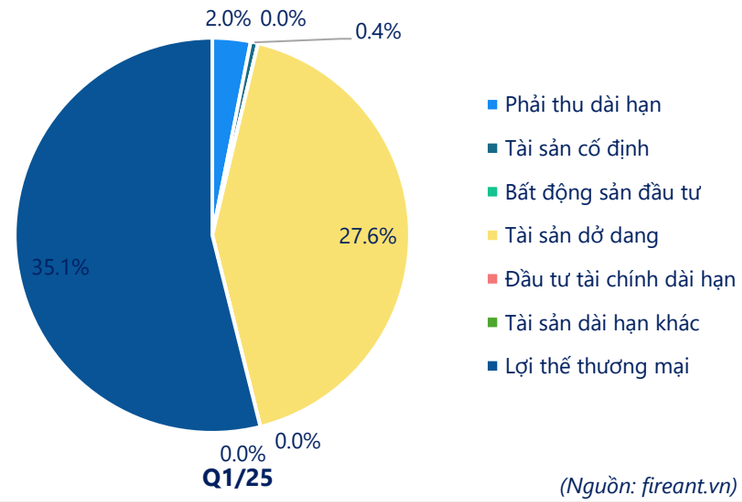
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

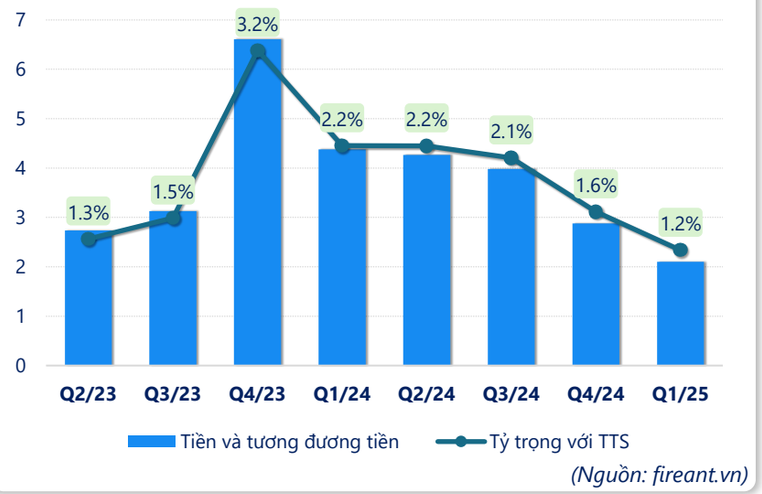


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

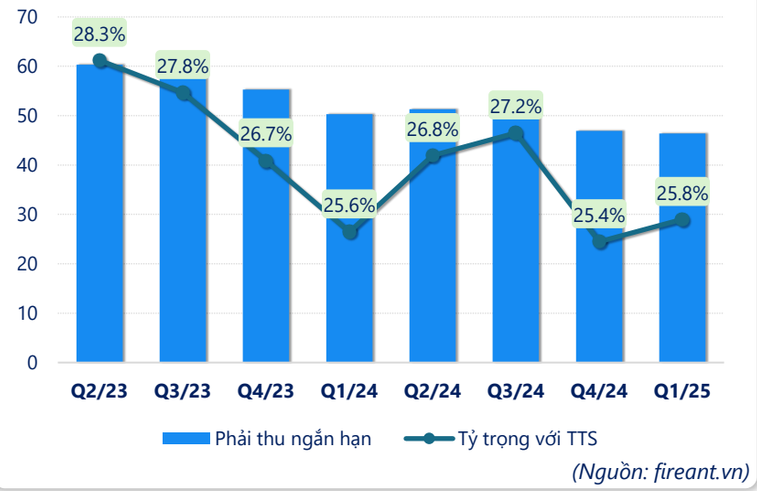
CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Tiền và tương đương tiền



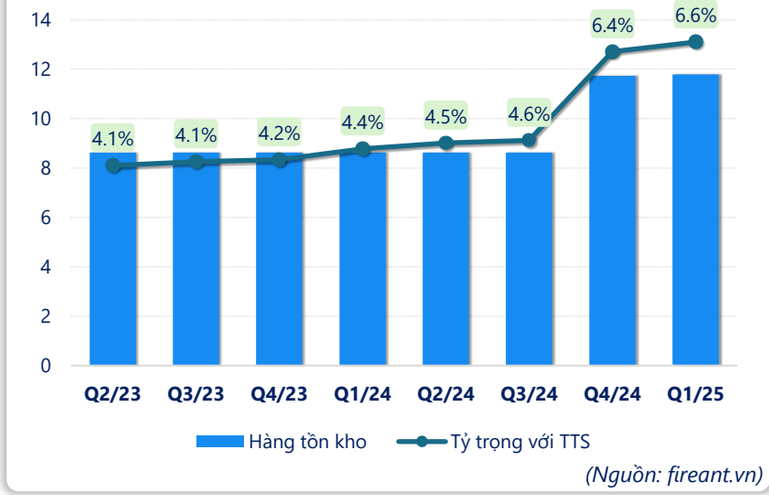
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



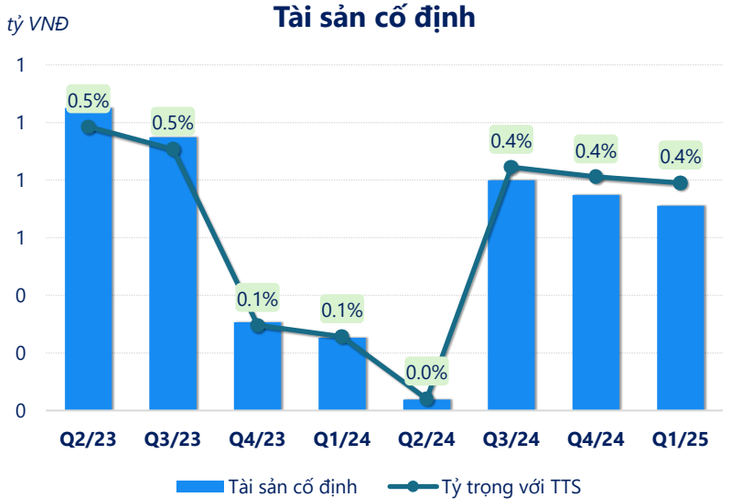
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



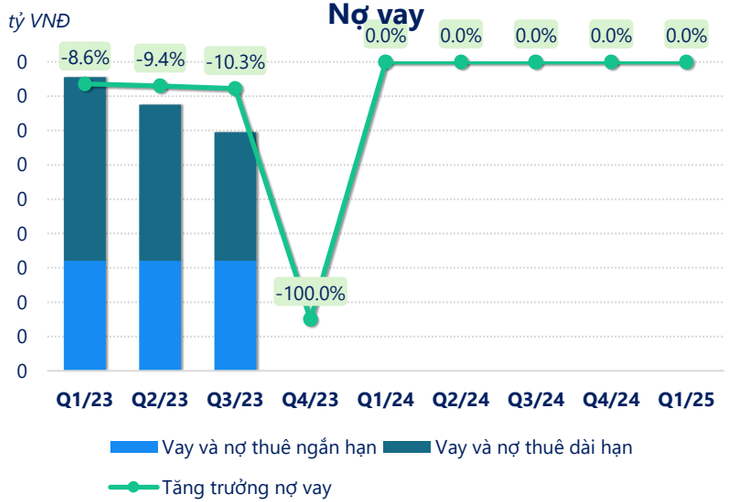
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



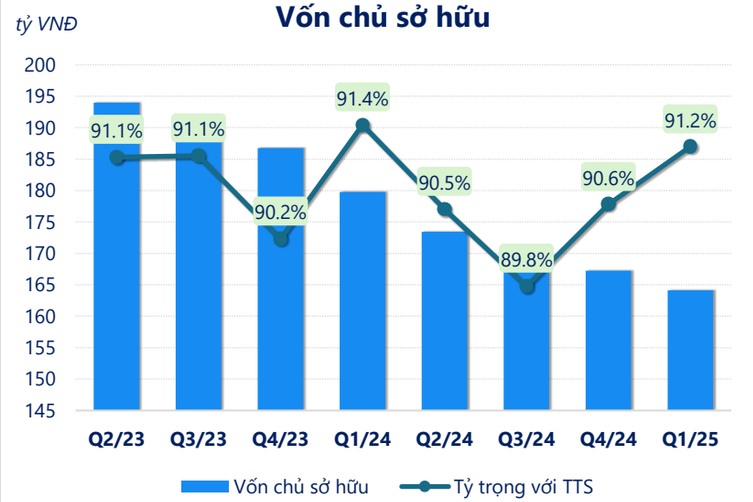
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

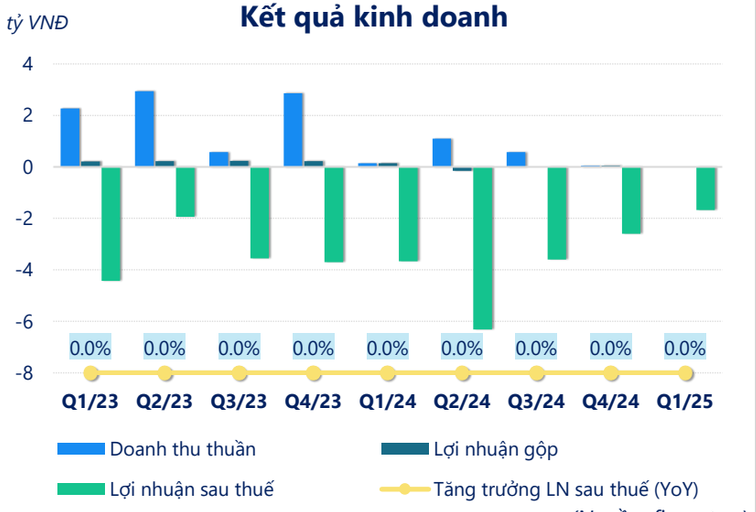
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

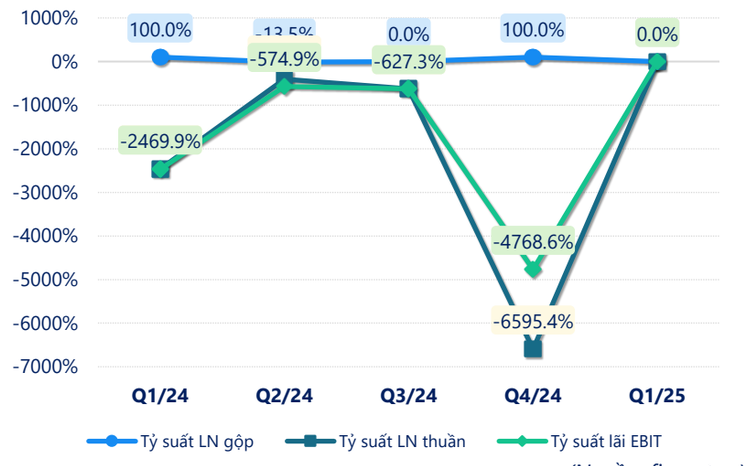
CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Kết quả kinh doanh



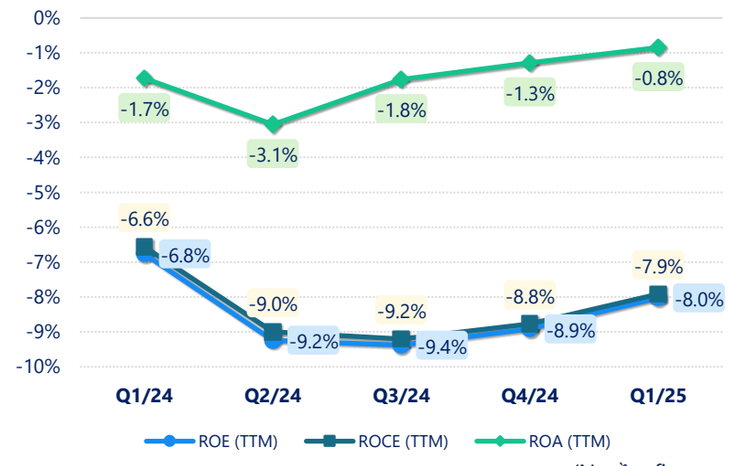
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



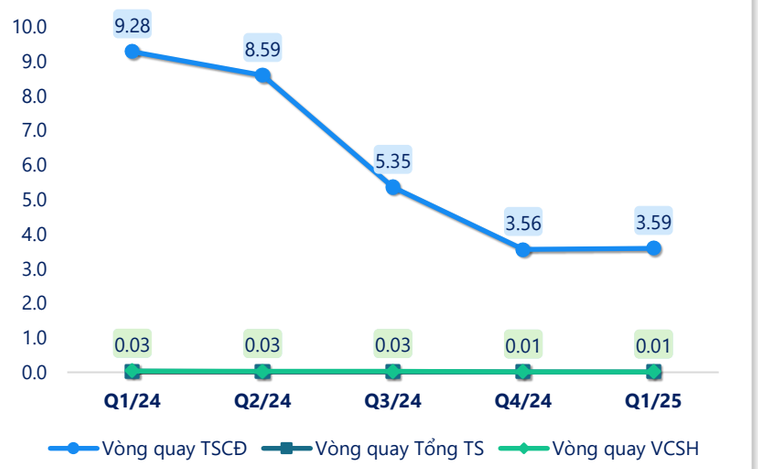
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



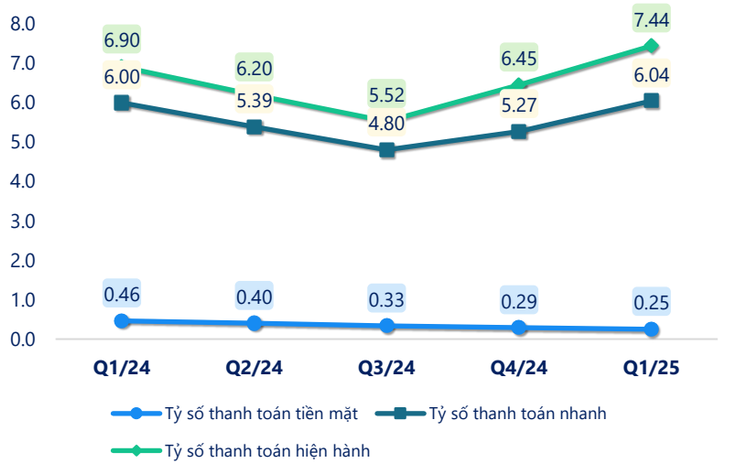
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



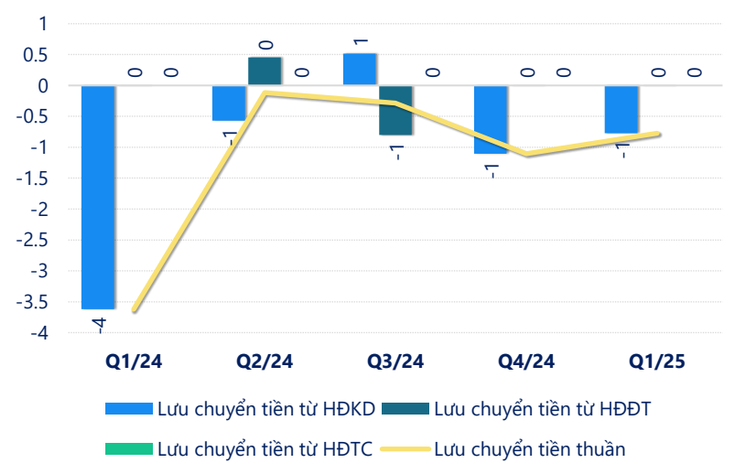
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**180**	**184**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	62.9	63.8	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	2.10	2.88	-26.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	46.4	46.6	-0.4%
Hàng tồn kho	11.8	11.8	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.57	2.50	2.7%
Tài sản dài hạn	**117**	**120**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	3.65	3.65	0.0%
Tài sản cố định	0.71	0.75	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	49.6	49.6	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	63.1	66.0	-4.3%
Nợ phải trả	15.9	18.0	-11.5%
Nợ ngắn hạn	**8.45**	**10.5**	**-19.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.57	3.71	-57.8%
Nợ dài hạn	7.44	7.44	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**164**	**166**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**164**	**166**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0.15	1.10	0.57	0.05	0
Giá vốn hàng bán	0	1.25	0.57	0	0
Lợi nhuận gộp	0.15	-0.15	0	0.05	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.81	4.27	3.60	3.65	3.55
LN thuần từ HĐKD	-3.66	-4.42	-3.60	-3.60	-3.55
Lợi nhuận khác	-0.01	-1.90	0	1.00	1.87
LN trước thuế	-3.67	-6.32	-3.60	-2.60	-1.68
Lợi nhuận sau thuế	-3.67	-6.32	-3.60	-2.60	-1.68
LNST của CĐ cty mẹ	-3.58	-6.18	-3.51	-2.51	-1.60

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.62	-0.57	0.52	-1.11	-0.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.46	-0.80	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	8.00	4.38	4.26	3.98	2.88
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.62**	**-0.12**	**-0.28**	**-1.10**	**-0.77**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.38	4.26	3.98	2.88	2.10

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic